

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4798 /BGTVT – TTr
V/v tổng kết 5 năm thực hiện Luật
PCTN và sơ kết giai đoạn thứ nhất
Chiến lược quốc gia PCTN đến năm
2020.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2011

Kính gửi:

- Tổng Cục, Cục, Vụ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ;
- Viện, Trường thuộc Bộ;
- Ban Quản lý dự án thuộc Bộ;
- Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ;
- Đơn vị báo chí, Nhà xuất bản, Trung tâm thuộc Bộ.

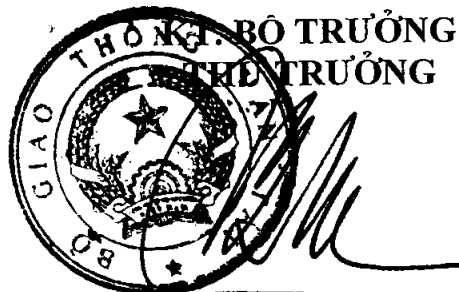
Bộ Giao thông vận tải nhận được văn bản số 1886/TTCP-C.IV ngày 19/7/2011 của Thanh tra Chính phủ về việc hướng dẫn tổng kết 5 năm thực hiện Luật PCTN và sơ kết giai đoạn thứ nhất Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020. Để triển khai thực hiện tổng kết, sơ kết công tác PCTN của Bộ Giao thông vận tải; Bộ Giao thông vận tải yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị thực hiện các nội dung sau:

1. Tổ chức tổng kết 5 năm thực hiện Luật PCTN và sơ kết giai đoạn thứ nhất Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ (Có đề cương hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ kèm theo); gửi báo cáo kết quả về Bộ Giao thông vận tải (qua Thanh tra Bộ) trước ngày 15/9/2011 (Đối với số liệu tại phụ lục số 04 của văn bản 1886/TTCP-C.IV gửi về Thanh tra Bộ trước ngày 25/8/2011).

2. Giao Thanh tra Bộ tổng hợp kết quả báo cáo của các đơn vị, tổ chức tổng kết 5 năm thực hiện Luật PCTN và sơ kết giai đoạn thứ nhất Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020; xây dựng báo cáo gửi về Thanh tra chính phủ trước ngày 30/9/2011. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Trung tâm CNTT (để đưa lên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, TTr.P4(03b).



Ngô Thịnh Đức

THANH TRA CHÍNH PHỦ

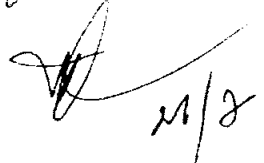
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1886 /TTCP-C.IV

V/v hướng dẫn tổng kết 5 năm thực hiện Luật PCTN và sơ kết giai đoạn thứ nhất Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2011

Y. Trương Xuân Lê

 11/8

TRẠNG THÔNG VĂN
 CÔNG VĂN ĐẾN

Kính gửi:

21-07-2011

Số: 2694

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng Công ty 91.

Y. Trương Xuân Lê
 Lê Văn Thành
 K

Y. Trương Xuân Lê
 Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 4297/VPCP-KNTN ngày 28/6/2011 về việc giao Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng và sơ kết giai đoạn thứ nhất Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là tổng kết, sơ kết); Thanh tra Chính phủ đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Toà án Nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng Công ty 91 (sau đây gọi chung là các bộ, ngành, địa phương) tiến hành tổng kết, sơ kết như sau:

1. Mục đích

Việc tổng kết, sơ kết nhằm đánh giá tình hình tham nhũng, việc thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng (PCTN) và giai đoạn thứ nhất Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 tại các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan; làm rõ những kết quả đạt được, ưu điểm, khuyết điểm, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; rút ra bài học kinh nghiệm, từ đó kiến nghị các biện pháp, giải pháp làm cơ sở cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường và nâng cao hiệu quả thực hiện các giải pháp phòng, chống tham nhũng, đề ra các nhiệm vụ trọng tâm của công tác PCTN cho giai đoạn tiếp theo.

2. Yêu cầu

- Việc tổng kết, sơ kết phải gắn với thực hiện Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 12/5/2011 của Ban chỉ đạo Trung ương về PCTN sơ kết 5 năm thực hiện

01-8 10/c
 2011
 đ/c Thiên
 t/c - H

Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”.

- Việc tổ chức tổng kết, sơ kết phải được tiến hành nghiêm túc, khoa học, tiết kiệm; phát huy dân chủ, tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo.

3. Nội dung tổng kết, sơ kết

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến Luật PCTN, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật PCTN, Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020.

- Công tác xây dựng thể chế, kiện toàn tổ chức, biên chế, cán bộ, công chức PCTN.

- Việc thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng.

- Tình hình tham nhũng và việc phát hiện, xử lý tham nhũng.

- Hoạt động phối hợp của các cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, viện kiểm sát, toà án và các cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan trong PCTN.

- Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN.

- Hợp tác quốc tế về PCTN.

- Các đề xuất, kiến nghị, sáng kiến để thực hiện tốt những giải pháp PCTN; sửa đổi, bổ sung những quy định hiện hành còn bất cập; xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong giai đoạn tiếp theo.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Các bộ, ngành, địa phương có kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện việc tổng kết, sơ kết; tập trung vào các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Căn cứ hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ về việc tổng kết, sơ kết để hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc tiến hành sơ kết và gửi báo cáo về bộ, ngành, địa phương;

- Thanh tra các bộ, cơ quan ngang bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng kết, báo cáo kết quả 5 năm thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN (Thời kỳ từ 01/7/2006 đến 30/6/2011). Thời hạn gửi báo cáo là trước ngày 30/8/2011;

- Bộ, ngành, địa phương tiến hành tổng kết, sơ kết; xây dựng báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Luật PCTN (Thời kỳ từ 01/7/2006 đến 30/6/2011) và sơ kết giai đoạn thứ nhất Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 (Thời kỳ từ khi ban hành Chiến lược đến 30/6/2011); gửi báo cáo về Thanh tra Chính phủ trước ngày 30/9/2011 (Có đề cương, biểu mẫu, hướng dẫn gửi báo cáo kèm theo);

- Bộ, ngành, địa phương chỉ đạo hoặc phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo chí để tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kết quả tổng kết, sơ kết; công khai báo cáo tổng kết, sơ kết theo quy định của pháp luật.

4.2. Một số bộ, ngành, địa phương phối hợp với Thanh tra Chính phủ để thực hiện các nội dung liên quan đến việc tổng kết, sơ kết theo nội dung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Thanh tra Chính phủ sẽ có kế hoạch, văn bản riêng gửi đến các bộ, ngành, địa phương liên quan).

4.3. Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với một số cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành khảo sát, điều tra xã hội học về tham nhũng đối với đối tượng là hộ gia đình (người dân), doanh nghiệp và cán bộ, công chức tại một số bộ, ngành, địa phương (tiếp nối cuộc điều tra xã hội học về tham nhũng do Ban Nội chính Trung ương thực hiện năm 2005 để có thêm cơ sở đánh giá tình hình tham nhũng, so sánh tiến triển).

4.4. Thanh tra Chính phủ tổ chức các tổ công tác để làm việc với một số bộ, ngành, địa phương (trong quá trình bộ, ngành, địa phương tổ chức tổng kết, sơ kết hoặc sau khi các bộ, ngành, địa phương đã có báo cáo tổng kết, sơ kết nếu thấy cần thiết) để trực tiếp khảo sát, nắm tình hình thực hiện hoặc làm rõ thêm thực trạng, nguyên nhân những ưu điểm, hạn chế, vướng mắc hoặc cơ sở, căn cứ để bộ, ngành, địa phương đưa ra các kiến nghị, đề xuất về công tác PCTN.

Tổng kết 5 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng và sơ kết giai đoạn thứ nhất Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 là nhiệm vụ quan trọng. Do đó đề nghị các bộ, ngành, địa phương tích cực quan tâm chỉ đạo thực hiện. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Thanh tra Chính phủ (qua Cục chống tham nhũng) để được hướng dẫn, giải đáp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTgCP Trương Vĩnh Trọng (để b/c);
- Lãnh đạo TTCP;
- Văn phòng BCĐTW về PCTN;
- Văn phòng BCĐ tỉnh, thành phố về PCTN;
- Thanh tra cấp bộ, tỉnh;
- Cục CTN (để theo dõi, đôn đốc);
- Trung tâm Thông tin (để đưa lên cổng TTĐT);
- Lưu: VP, C.IV. *Qua*

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**



Trần Đức Lượng

ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN BÁO CÁO
Tổng kết 5 năm thực hiện Luật PCTN và Sơ kết giai đoạn thứ nhất
Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020
(Kèm theo Công văn số 1886 /TTCP-C.IV ngày 19 tháng 7 năm 2011
của Thanh tra Chính phủ)

A/ NỘI DUNG BÁO CÁO TỔNG KẾT, SƠ KẾT:

I/ ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Khái quát tình hình chung và những đặc điểm nổi bật của địa phương tác động tới công tác phòng, chống tham nhũng.

II/ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCTN

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN.

- Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về PCTN theo thẩm quyền; hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên;

- Việc phổ biến, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Luật PCTN, Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020.

- Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

- Nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác PCTN; tính tiên phong, gương mẫu của tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ, công chức trong PCTN;

- Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; Hiệu quả và chất lượng thực hiện.

2. Việc kiện toàn bộ máy chỉ đạo, các đơn vị chuyên trách về PCTN

Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị chuyên trách về PCTN (nếu có).

Các bộ, ngành đã thành lập Ban chỉ đạo PCTN phân tích, đánh giá sâu về hoạt động của Ban chỉ đạo bộ, ngành. Các địa phương phân tích, đánh giá sâu về hoạt động của Ban chỉ đạo và Văn phòng Ban chỉ đạo cấp tỉnh về PCTN; Ban chỉ đạo, bộ phận giúp việc ở cấp huyện, thị, sở, ngành (nếu có).

3. Việc thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng:

Nêu cụ thể những kết quả đã đạt được theo từng biện pháp phòng ngừa tham nhũng quy định tại Luật PCTN, những việc chưa làm được, cũng như những khó khăn, hạn chế, tồn tại và phân tích rõ nguyên nhân; chú trọng phân tích sâu một số nội dung sau:

- Thực hiện công khai, dân chủ trong tuyển dụng, bố trí, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

- Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức.

- Xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng.

- Thực hiện quyền tự chủ về tài chính, biên chế và giao khoán kinh phí hoạt động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị có đủ điều kiện; thực hiện việc trả lương qua tài khoản.

- Minh bạch về tài sản, thu nhập.

- Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức;

- Việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng.

- Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (về mua sắm công, xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng đất, quản lý và sử dụng nhà ở, quản lý dự án đầu tư xây dựng, cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân; trong việc giải quyết các công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân; trong các lĩnh vực tài chính, ngân sách nhà nước, giáo dục, y tế, tư pháp, khoa học-công nghệ, thể dục, thể thao v.v...).

- Hoàn thiện và thực hiện các quy định về quản lý kinh tế - xã hội phục vụ công tác PCTN trong các hoạt động sau: Công tác cải cách hành chính; quản lý, sử dụng đất đai, công sở; quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; hoạt động mua sắm công và công tác thu, chi ngân sách; quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu, chương trình quốc gia, kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; quản lý vốn, tài sản của Nhà nước và nhân sự trong doanh nghiệp có vốn nhà nước.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN:

- Việc xây dựng, trình phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN hằng năm.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm: Thống kê theo biểu mẫu gửi kèm (Phụ lục....).

- Đánh giá những ưu điểm, hạn chế, thiếu sót; nguyên nhân và kinh nghiệm rút ra qua hoạt động thanh tra, kiểm tra trách nhiệm:

+ Những ưu điểm, hạn chế, thiếu sót trong hoạt động thanh tra, kiểm tra trách nhiệm.

+ Nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót.

+ Những kinh nghiệm rút ra qua hoạt động thanh tra, kiểm tra trách nhiệm.

- Kiến nghị, đề xuất.

+ Các kiến nghị nhằm tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm.

+ Các kiến nghị cụ thể về việc xây dựng quy trình, quy chế... về thanh tra, kiểm tra trách nhiệm.

+ Các kiến nghị về công tác hướng dẫn, tập huấn...

5. Tình hình tham nhũng và kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng:

- Khái quát về tình hình tham nhũng xảy ra tại bộ, ngành, địa phương (thông qua phân tích kết quả phát hiện, xử lý; phản ảnh của dư luận, báo chí; kết quả khảo sát, điều tra xã hội học - nếu có...).

- Việc tiếp nhận và giải quyết đơn, thư tố cáo, tin báo về tội phạm tham nhũng.

- Kết quả kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử các hành vi tham nhũng.

- Công tác phối hợp của các cơ quan thanh tra, điều tra, viện kiểm sát, toà án và các cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan trong PCTN.

6. Vai trò, trách nhiệm của xã hội; Hợp tác quốc tế trong PCTN.

- Công tác phối hợp, triển khai của các cơ quan chức năng nhằm tạo điều kiện phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN

- Kết quả tham gia PCTN của các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, báo chí, Ban thanh tra nhân dân và nhân dân.

- Sự giám sát của Đoàn đại biểu quốc hội, Hội đồng nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân đối với công tác PCTN.

- Các hoạt động hợp tác quốc tế trong PCTN;

7. Việc thực hiện Kế hoạch của Chính phủ, Kế hoạch của bộ, ngành, địa phương thực hiện giai đoạn thứ nhất của Chiến lược quốc gia PCTN.

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được Chính phủ giao và nhiệm vụ do bộ, ngành, địa phương đề ra để thực hiện Giai đoạn thứ nhất của Chiến lược.

- Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và nguyên nhân.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Đối chiếu với mục tiêu của Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, kết quả công tác PCTN trong giai đoạn 2006 - 2011 ở cơ quan, tổ chức, đơn vị mình đã đạt được ở mức độ nào, nêu rõ mức độ đạt được:

+ Công tác PCTN có chuyển biến tích cực, tham nhũng, lãng phí đã được ngăn chặn, đẩy lùi;

+ Công tác PCTN có chuyển biến tích cực, tham nhũng lãng phí đã có bước được kiềm chế;

+ Công tác PCTN đã có sự chuyển biến nhưng chậm; tham nhũng, lãng phí chưa được kiềm chế;

+ Tham nhũng, lãng phí nghiêm trọng, phức tạp.

- Đánh giá tổng quát những khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong việc thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng; Nguyên nhân và các bài học kinh nghiệm.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ - KIẾN NGHỊ

- Xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong thời gian tới. Đề xuất cụ thể những nhiệm vụ cần được đưa vào kế hoạch của Chính phủ thực hiện giai đoạn thứ hai của Chiến lược quốc gia PCTN.

- Đề xuất, kiến nghị, sáng kiến để tiếp tục tăng cường thực hiện, nâng cao hiệu quả các giải pháp PCTN, tạo sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ, thực sự ngăn chặn, đẩy lùi được tệ nạn tham nhũng trong thời gian tới.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung những quy định hiện hành còn bất cập (*đề nghị nêu rõ những quy định còn bất cập, nguyên nhân, kiến nghị hướng sửa đổi hoặc đề xuất cụ thể quy phạm sửa đổi*).

- Các kiến nghị khác.

B/ PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO TỔNG KẾT, SƠ KẾT

Các bộ ngành, địa phương báo cáo theo nội dung hướng dẫn tại Mục A nêu trên, đồng thời thống kê số liệu, nội dung theo các biểu mẫu phụ lục gửi kèm:

1/ Phụ lục số 01: Thống kê một số số liệu chủ yếu về công tác PCTN thời kỳ từ 01/7/2006 đến 30/6/2011.


2/ Phụ lục số 02: Tình hình thực hiện Giai đoạn thứ nhất của Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 (kết quả, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ giao và nhiệm vụ do bộ, ngành, địa phương đề ra để thực hiện Giai đoạn thứ nhất của Chiến lược).

3/ Phụ lục số 03: Đề xuất nhiệm vụ để xây dựng kế hoạch của Chính phủ thực hiện giai đoạn thứ hai của Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020.

4/ Phụ lục số 04: Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN 5 năm (Từ 01/7/2006 đến 30/6/2011).

C/ HÌNH THỨC GỬI BÁO CÁO VỀ THANH TRA CHÍNH PHỦ

1/ Báo cáo tổng kết, sơ kết gửi bằng dữ liệu điện tử (phải là bản quét, có dấu) theo hộp thư điện tử: cucchongthamnhung@thanhtra.gov.vn

2/ Trường hợp gửi bằng văn bản hành chính thì theo địa chỉ: Thanh tra Chính phủ, Lô D29, Đường Trần Thái Tông, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, đồng thời gửi dữ liệu qua hộp thư điện tử nêu trên (không cần phải gửi bản quét, có dấu) 

THANH TRA CHÍNH PHỦ

THỐNG KÊ SỐ LIỆU CHỦ YẾU
VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG 5 NĂM (TỪ 01/7/2006 ĐẾN 30/6/2011)
(Kèm theo Văn bản số ~~116~~ /TTCP-C.IV ngày 19/7/2011 của Thanh tra Chính phủ)

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
01	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
02	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
03	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	
04	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	
05	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	cuốn	
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>		
06	Số cơ quan, tổ chức được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC	
07	Số cơ quan, tổ chức bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC	
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
08	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	
09	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được hủy bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền).	Triệu đồng	
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	

	Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức		
19	Số cơ quan, tổ chức đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC	
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	
	Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập		
22	Số trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
23	Số trường hợp bị kết luận kê khai không trung thực	Người	
	Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng		
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
	Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán		
27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC	
28	Tỷ lệ % cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG		
	Qua việc tự kiểm tra nội bộ		
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	
	Qua hoạt động thanh tra		
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	
	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	Qua điều tra tội phạm		
37	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Người	
38	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG		
39	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử trong kỳ (địa phương thống kê kết quả xét xử của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử của toà án đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý)	Vụ	
40	Số đối tượng tham nhũng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê theo kết quả xét xử của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử của toà án đối với các cá nhân thuộc phạm vi quản lý)	Người	
41	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
42	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	

43	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
44	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được.			
45	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
46	+ Đất đai	m ²	
Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường			
47	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
48	+ Đất đai	m ²	
Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được			
49	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
50	+ Đất đai	m ²	

Ghi chú: - Lưu ý không sửa đổi nội dung các tiêu chí báo cáo trong biểu mẫu ai

- Không thống kê số liệu vào những mục nội dung mà cột mã số (MS) và cột đơn vị tính trong biểu mẫu để trống.

- Các địa phương chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTN của địa phương, không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn. phul

PHỤ LỤC SỐ 02**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN THỨ NHẤT
CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo văn bản số 1886 /TTCPC-IV ngày 19 tháng 7 năm 2011 của Thanh tra Chính phủ)

STT	Nội dung hoạt động cụ thể trong Kế hoạch thực hiện Chiến lược	Sản phẩm	Thời điểm hoàn thành theo kế hoạch	Tình hình thực hiện	Ghi chú
I	Nhiệm vụ Chính phủ giao trong Kế hoạch thực hiện Chiến lược (NQ số 21/NQ-CP 12/5/2011)				
1					
2					
3					
II	Nhiệm vụ bộ, ngành, địa phương đề ra nhằm thực hiện Chiến lược				
1					
2					
3					

Lưu ý: Đối với những hoạt động có vướng mắc, khó khăn, kiến nghị thì nêu cụ thể trong phần ghi chú. *ay*

PHỤ LỤC SỐ 03

**CÁC HOẠT ĐỘNG KIẾN NGHỊ CHÍNH PHỦ ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN HAI
CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo văn bản số 1886 /TTCP-C.IV ngày 19 tháng 7 năm 2011 của Thanh tra Chính phủ)

STT	Giải pháp-nhiệm vụ	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Thời điểm trình	Cơ quan ban hành hoặc phê duyệt
I		1					
		2					
		...					
II		1					
		2					
		...					
...							
...							

PHỤ LỤC SỐ 04

**Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN
5 năm (Từ 01/7/2006 đến 30/6/2011)**

(Kèm theo Văn bản số 1886 /TTCP-C.IV ngày 19/7/2011 của Thanh tra Chính phủ)

T T	DIỄN GIẢI	Tổng cộng	Trong đó			
			Thanh tra bộ	Thanh tra tỉnh, TP	Thanh tra sở, cục, tổng cục	Thanh. tra huyện
1	Số cuộc thanh tra theo kế hoạch					
2	Số cuộc kiểm tra theo kế hoạch					
3	Số cuộc thanh tra đã triển khai					
4	Số cuộc kiểm tra đã triển khai					
5	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra					
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra					
7	Số cuộc thanh tra đã có kết luận					
	Số cuộc kiểm tra đã có kết luận					
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc:					
	- Xây dựng chương trình kế hoạch PCTN					
	- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch PCTN					
	- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTN					
9	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị kết luận có vi phạm, thiếu sót trong thực hiện quy định về phòng ngừa tham nhũng (Phân tích chi tiết số cơ quan, tổ chức, đơn vị có vi phạm, thiếu sót trong thực hiện các quy định về phòng ngừa tham nhũng theo các nội dung sau):					
	- Công khai, minh bạch trong mua sắm công					

	- Công khai, minh bạch trong quản lý dự án đầu tư xây dựng				
	- Công khai, minh bạch trong quản lý tài chính, ngân sách nhà nước				
	- Công khai, minh bạch trong việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân				
	- Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ, viện trợ				
	- Công khai, minh bạch trong quản lý đất đai, tài sản công				
	- Công khai, minh bạch trong công tác tổ chức- cán bộ				
	- Trách nhiệm cung cấp thông tin				
	- Cải cách thủ tục hành chính				
	- Đổi mới công nghệ quản lý				
	- Xây dựng các chế độ, định mức, tiêu chuẩn				
	- Thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn				
	- Chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức viên chức				
	- Thực hiện các kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán				
	- Xử lý thông tin, giải quyết tố cáo về dấu hiệu tham nhũng trong nội bộ, theo chức năng quản lý nhà nước				
	- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác PCTN				
10	Số người đã có kết luận vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập				
11	Số người bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập				
12	Số người đã có kết luận vi phạm quy định về nhận quà, nộp lại quà tặng				
13	Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về nhận quà, nộp lại quà tặng				
14	Số người đã có kết luận vi phạm Quy tắc ứng xử của CBCC, viên chức				

15	Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm Quy tắc ứng xử					
16	Số người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị bị xử lý trách nhiệm do để xảy ra tham nhũng					
17	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị kết luận có các vi phạm, thiếu sót trong việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng					
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị kết luận có các vi phạm, thiếu sót khác trong việc thực hiện các quy định của Luật PCTN					